

THÔNG BÁO

Kết quả điểm vòng 2 kỳ tuyển dụng viên chức ngành Giáo dục, năm học 2025-2026

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15/11/2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức, được sửa đổi, bổ sung bằng Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ;

Thực hiện Kế hoạch số 90/KH-UBND ngày 31/12/2025 của Ủy ban nhân dân xã An Phước về việc tuyển dụng viên chức ngành giáo dục thuộc UBND xã An Phước năm học 2025-2026.

Căn cứ kết quả tổ chức xét tuyển vòng 2 và Biên bản họp Hội đồng tuyển dụng viên chức ngày 25/4/2026;

Căn cứ Quyết định số 963/QĐ-UBND ngày 28/4/2026 của Ủy ban nhân dân xã An Phước về công nhận kết quả điểm vòng 2 kỳ tuyển dụng viên chức ngành Giáo dục xã An Phước, năm học 2025-2026

Hội đồng tuyển dụng viên chức xã An Phước, thông báo kết quả vòng 2 kỳ tuyển dụng viên chức ngành giáo dục năm học 2025 - 2026 như sau:

1. Kết quả vòng 2

- Tổng số thí sinh đủ điều kiện dự thi vòng 2: **72** thí sinh, trong đó:

+ Giáo viên Mầm non: **02** thí sinh

+ Giáo viên Tiểu học: **45** thí sinh

+ Giáo viên giáo dục thể chất Tiểu học: **01** thí sinh

+ Giáo viên Toán - THCS: **05** thí sinh

+ Giáo viên Hóa học- THCS: **08** thí sinh

+ Giáo viên giáo dục thể chất THCS: **02** thí sinh

+ Nhân viên Văn thư: **02** thí sinh

+ Nhân viên Y tế học đường: **02** thí sinh

+ Nhân viên Kế toán: **03** thí sinh

+ Nhân viên Thư viện: **02** thí sinh

- Số thí sinh tham gia dự thi: **57/72** thí sinh, trong đó:

+ Giáo viên Mầm non: **02/02** thí sinh

+ Giáo viên Tiểu học: **37/45** thí sinh

+ Giáo viên giáo dục thể chất Tiểu học: **01/01** thí sinh

+ Giáo viên Toán - THCS: **04/05** thí sinh

- + Giáo viên Hóa học- THCS: **05/08** thí sinh
- + Giáo viên giáo dục thể chất THCS: **02/02** thí sinh
- + Nhân viên Văn thư: **01/02** thí sinh
- + Nhân viên Y tế học đường: **01/02** thí sinh
- + Nhân viên Kế toán: **02/03** thí sinh
- + Nhân viên Thư viện: **02/02** thí sinh
- Số thí sinh vắng mặt: **15/72** thí sinh; trong đó:
 - + Giáo viên Tiểu học: **08/45** thí sinh, không đến bốc thăm đề thi và dự thi thực hành;
 - + Giáo viên Hóa học - THCS: **03/08** thí sinh, không đến bốc thăm đề thi và dự thi thực hành;
- + Giáo viên Toán - THCS: **01/05** thí sinh bỏ thi thực hành;
- + Nhân viên Văn thư: **01/02** thí sinh không đến dự thi vấn đáp;
- + Nhân viên Y tế học đường: **01/02** thí sinh không đến dự thi vấn đáp;
- + Nhân viên Kế toán: **01/03** thí sinh không đến dự thi vấn đáp;
- Danh sách điểm vòng 2 của các thí sinh được công bố kèm theo Thông báo này.

2. Xác định thí sinh trúng tuyển

Thí sinh trúng tuyển là người có kết quả vòng 2 đạt từ 50 điểm trở lên. Kết quả trúng tuyển được xác định dựa trên tổng điểm (điểm vòng 2 cộng với điểm ưu tiên theo quy định nếu có), lấy theo thứ tự từ cao xuống thấp trong phạm vi chỉ tiêu tuyển dụng của từng vị trí việc làm, theo quy định tại Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ.

3. Về việc phúc khảo

Theo quy định tại Điểm c, Khoản 3, Điều 15 Nghị định 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức: Không thực hiện việc phúc khảo đối với kết quả thi vòng 2 bằng hình thức phỏng vấn hoặc thực hành để đánh giá năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của thí sinh.

4. Công bố kết quả

Thông báo này được đăng tải trên Trang thông tin điện tử của xã: <https://anphuc.dongnai.gov.vn/vi/> và niêm yết công khai tại trụ sở Trung tâm phục vụ Hành chính công xã An Phước (ấp 7, xã An Phước, tỉnh Đồng Nai).

Hội đồng tuyển dụng viên chức xã An Phước thông báo để các thí sinh được biết./.

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT (b/c);
- Sở Nội vụ (b/c);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND xã;
- Ban Giám sát HẾTDVC;
- Thành viên HẾTDVC;
- Lưu: VT, HẾTDVC (NA).

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG



PCT ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

Doãn Đức Thành



UBND XÃ AN PHƯỚC
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG
VIÊN CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

An Phước, ngày 28 tháng 4 năm 2026

DANH SÁCH ĐIỂM VÒNG 2

Kỳ tuyển dụng viên chức ngành Giáo dục, năm học 2025 – 2026
(Kèm theo Thông báo số 05/TB-HĐTDVC ngày 28/4/2026 của HĐTDVC)

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	Số báo danh	Vị trí dự tuyển	Điểm thực hành	Diện ưu tiên	Điểm cộng	Tổng điểm
GIÁO VIÊN MẦM NON								
1	Đinh Thị Mỹ Linh	20/07/1993	001	GV Mầm non	71,0			71,0
2	Võ Thị Yến	12/04/1996	002	GV Mầm non	75,667			75,667
GIÁO VIÊN TIỂU HỌC								
3	Nguyễn Thị Vân Anh	16/03/2000	001	GV Tiểu học	34 phút (không đạt)			34 phút (không đạt)
4	Đỗ Hoàng Lan Anh	06/12/2001	003	GV Tiểu học	92,417			92,417
5	Lê Phương Anh	02/12/2000	004	GV Tiểu học	87,667			87,667
6	Lê Trần Ngọc Ánh	04/08/2002	005	GV Tiểu học	88,833			88,833
7	Nguyễn Linh Chi	15/12/2002	006	GV Tiểu học	89,833			89,833
8	Trần Phương Dung	04/02/2002	008	GV Tiểu học	42 phút (không đạt)			42 phút (không đạt)
9	Bùi Nguyễn Bảo Duyên	20/06/2003	009	GV Tiểu học	31 phút (không đạt)			31 phút (không đạt)
10	Lê Thị Bạch Dương	23/04/2003	010	GV Tiểu học	90,0			90,0
11	Hồ Lê Anh Đào	19/09/2000	011	GV Tiểu học	95,167			95,167
12	Hoàng Thị Hằng	06/02/2003	014	GV Tiểu học	34 phút (không đạt)			34 phút (không đạt)
13	Ngô Thuý Hằng	13/09/2003	015	GV Tiểu học	87,333			87,333
14	Trần Nguyễn Quỳnh Hương	02/11/2003	016	GV Tiểu học	92,333			92,333
15	Nguyễn Thị Hồng Hương	08/06/1993	017	GV Tiểu học	92,5			92,5
16	Trịnh Thị Liên	17/04/2000	018	GV Tiểu học	43 phút (không đạt)			43 phút (không đạt)
17	Phạm Mai Khánh Linh	06/08/2003	019	GV Tiểu học	93,833			93,833
18	Hồ Thị Mỹ Na	20/10/2003	020	GV Tiểu học	87,0			87,0
19	Nguyễn Hải Ngân	14/01/2001	22	GV Tiểu học	93,167			93,167
20	Huỳnh Diễm Thuý Ngân	19/08/2002	023	GV Tiểu học	90,0			90,0
21	Trương Nguyễn Minh Ngọc	15/11/2002	024	GV Tiểu học	85,333			85,333
22	Nguyễn Thị Bích Ngọc	14/07/2002	025	GV Tiểu học	79,667			79,667
23	Nguyễn Thị Yến Nhi	23/06/2003	026	GV Tiểu học	91,5			91,5



Stt	Họ và tên	Ngày sinh	Số báo danh	Vị trí dự tuyển	Điểm thực hành	Diện ưu tiên	Điểm cộng	Tổng điểm
24	Cù Hồng Nhung	22/08/1994	028	GV Tiểu học	44 phút (không đạt)			44 phút (không đạt)
25	Hoàng Trúc Phương	13/10/2002	029	GV Tiểu học	85,167			85,167
26	Bùi Thuý Phương	13/12/2003	030	GV Tiểu học	85,5			85,5
27	Nguyễn Thị Mỹ Tiên	03/03/2000	031	GV Tiểu học	50 phút (không đạt)			50 phút (không đạt)
28	Nguyễn Phương Thanh	06/03/2000	033	GV Tiểu học	90,0			90,0
29	Võ Thị Minh Thu	01/3/2002	035	GV Tiểu học	42 phút (không đạt)			42 phút (không đạt)
30	Nguyễn Thị Hoài Thương	29/08/2001	036	GV Tiểu học	85,667			85,667
31	Phan Thị Huyền Trang	11/12/2002	037	GV Tiểu học	90,0			90,0
32	Nguyễn Thị Thùy Trang	05/05/2002	038	GV Tiểu học	90,0			90,0
33	Hoàng Thị Minh Trang	20/10/2002	039	GV Tiểu học	87,333			87,333
34	Nguyễn Thị Huyền Trang	24/10/2001	40	GV Tiểu học	91,833			91,833
35	Nguyễn Hoài Trang	10/10/2003	041	GV Tiểu học	44 phút (không đạt)			44 phút (không đạt)
36	Nguyễn Thị Tú Uyên	12/01/2001	042	GV Tiểu học	91,167			91,167
37	Bùi Nguyễn Tường Vi	04/03/2003	043	GV Tiểu học	84,0			84,0
38	Trần Lê Phương Vy	20/12/2001	044	GV Tiểu học	92,0			92,0
39	Huỳnh Thị Như Ý	01/01/1995	045	GV Tiểu học	93,167			93,167
GIÁO VIÊN TIỂU HỌC GIÁO DỤC THỂ CHẤT								
40	Hồ Ngọc Quỳnh Như	28/11/2002	001	GV Tiểu học - GDTC	87,833			87,833
GIÁO VIÊN THCS - TOÁN								
41	Phạm Tuấn An	29/06/2001	001	GV THCS - Toán	86,0			86,0
42	Nguyễn Dương Khánh Linh	23/09/2002	003	GV THCS - Toán	87,0			87,0
43	Lê Trần Hoài Thu	05/10/2003	004	GV THCS - Toán	85,667			85,667
44	Nguyễn Thị Tố Uyên	08/01/1997	005	GV THCS - Toán	82,333			82,333
GIÁO VIÊN THCS - HÓA HỌC								
45	Nguyễn Thị Lan Anh	01/12/2001	001	GV THCS - Hóa học	92,667			92,667
46	Trương Thị Thủy Dương	30/12/1994	003	GV THCS - Hóa học	88,667			88,667



Stt	Họ và tên	Ngày sinh	Số báo danh	Vị trí dự tuyển	Điểm thực hành	Điểm ưu tiên	Điểm cộng	Tổng điểm
47	Vũ Thị Hảo	11/12/2002	005	GV THCS - Hóa học	93,0			93,0
48	Nguyễn Thành Thực	03/03/2003	007	GV THCS - Hóa học	89,333			89,333
49	Đoàn Ngọc Thảo Vy	27/10/2000	008	GV THCS - Hóa học	89,667			89,667
GIÁO VIÊN THCS – GIÁO DỤC THỂ CHẤT								
50	Huỳnh Phúc An	30/11/2002	001	GV THCS - GDTC	63,333			63,333
51	Vũ Trọng Khánh	08/12/2002	002	GV THCS - GDTC	67,667			67,667
NHÂN VIÊN VĂN THƯ								
52	Lê Thùy Trang	13/12/1996	002	NV Văn thư	61,667			61,667
NHÂN VIÊN Y TẾ								
53	Lê Thị Hằng	06/6/1992	001	NV Y tế	92,0			92,0
NHÂN VIÊN KẾ TOÁN								
54	Phan Thị Mỹ Linh	22/8/1990	002	NV Kế toán	37,333			37,333
55	Đỗ Tuấn Thành	17/5/1989	003	NV Kế toán	57,5			57,5
NHÂN VIÊN THƯ VIỆN								
56	Nguyễn Thị Thanh Tâm	29/8/1984	001	NV Thư viện	75,0			75,0
57	Vũ Thị Vinh	14/8/1983	002	NV Thư viện	62,0			62,0